

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG THANH DUY

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG THANH DUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH DUY SPECIALIZED EQUIPMENT AND IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANH DUY EQ.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108490504

3. Ngày thành lập: 29/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 16, dãy 1, ngõ 34 Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình điện	4221
2.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
3.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530(Chính)
8.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
9.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
10.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
11.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
15.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
16.	Dịch vụ đóng gói	8292

17.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ..; (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
18.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
19.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
20.	Quảng cáo	7310
21.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của nhà báo, tư vấn chứng khoán, thanh toán hối phiếu...)	7490
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
23.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại nhà nước cấm)	4690
24.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
25.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
26.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
27.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
28.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá)	4512
29.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
30.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
31.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
32.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
33.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
34.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
35.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
36.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
37.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
38.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
39.	Xây dựng nhà để ở	4101
40.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
41.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

42.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
43.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
44.	Phá dỡ	4311
45.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
46.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng)	4662
48.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
51.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
53.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công trình thể thao ngoài trời.	4299
56.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết : Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
59.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
60.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
61.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Xây dựng công trình thủy	4291

64.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
65.	Chuyển phát	5320
66.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: trang trí nội thất công trình	7410
67.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
68.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
69.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
70.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
71.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
72.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
73.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
74.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
75.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
76.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
77.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
78.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
79.	Xây dựng nhà không để ở	4102
80.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
81.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THU HẰNG	Tổ 10, Phường Bắc Lệnh, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	6,667	063134456	
			Tổng số	10.000	100.000.000	6,667		

2	TẠ TƯỜNG BẢNG	số 147, tổ 13, xóm 5, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	26,667	012067634	
			Tổng số	40.000	400.000.000	26,667		
3	ĐỖ THỊ THÚY KIỆU	Thôn 1, Xã Phước Hà, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	13,333	264308490	
			Tổng số	20.000	200.000.000	13,333		
4	TẠ TƯỜNG DUY	số 147, tổ 13, xóm 5, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	33,333	013412423	
			Tổng số	50.000	500.000.000	33,333		
5	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Xóm Vân Cát, Xã Nam Vân, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	13,333	162702632	
			Tổng số	20.000	200.000.000	13,333		
6	NGUYỄN THU HƯƠNG	Số 17 ngõ 333 phố Phúc Tân, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	10.000	100.000.000	6,667	0011800186 43	
			Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	6,667		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TẠ TUÔNG DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/12/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013412423

Ngày cấp: 20/04/2011

Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 147, tổ 13, xóm 5, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 17, dãy 1, ngõ 34, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội